

BẢNG TỔNG HỢP NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CTCP TỔNG CÔNG TY MAY ĐỒNG NAI
(Đính kèm tờ trình số /MDN-ĐHĐCĐ, ngày 10 tháng 04 năm 2021)

STT	ĐIỀU LỆ CÔNG TY HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	LÝ DO THAY ĐỔI
1	Điều 1: Giải thích thuật ngữ: 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:	Điều 1: Giải thích thuật ngữ: 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:	
	b. " <u>Luật doanh nghiệp</u> " là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;	b. " <u>Luật doanh nghiệp</u> " là Luật doanh nghiệp có hiệu lực ngày 01/01/2021;	Căn cứ pháp lý: Luật doanh nghiệp 2021
	c. " <u>Luật chứng khoán</u> " là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;	c. " <u>Luật chứng khoán</u> " là Luật chứng khoán có hiệu lực ngày 01/01/2021;	Căn cứ pháp lý: Luật chứng khoán 2021
	f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;	f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 22; khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;	
	g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;	g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;	
	r. " <u>Vốn có quyền biểu quyết</u> " là phần vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.		Cập nhật bổ sung theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
2	Điều 4: Mục tiêu hoạt động của công ty 1. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: (<u>Ngành nghề kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13, ngày 21/12/2017</u>).	Điều 4: Mục tiêu hoạt động của công ty 1. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: (<u>Ngành nghề kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14, ngày 17/08/2020</u>).	Cập nhật lại ngành nghề kinh doanh. Bổ sung mã ngành 3250 (sản xuất khâu trang y tế và bộ bảo hộ y tế).
3	Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	

STT	ĐIỀU LỆ CÔNG TY HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	LÝ DO THAY ĐỔI
	<p>6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu. <u>trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sổ giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.</u></p>	<p>6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu.</p>	<p>Bỏ quy định bán đấu giá cổ phần qua Sổ giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá (do Công ty đã hủy niêm yết và không còn là công ty đại chúng).</p>
	<p>7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với pháp luật <u>Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan</u> và quy định của Điều lệ này.</p>	<p>7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với pháp luật và quy định của Điều lệ này.</p>	<p>Việc mua lại cổ phiếu quỹ và chào bán cổ phiếu quỹ được thực hiện theo quy định của Pháp luật doanh nghiệp.</p>
4	<p>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. <u>Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở (hay các sàn) giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</u></p>	<p>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác.</p>	<p>Việc chuyển nhượng cổ phần (mua bán cổ phần) sẽ được thực hiện tại Công ty theo quy định của Pháp luật mà không thông qua Sổ giao dịch chứng khoán nữa.</p>
5	<p>Điều 12. Quyền của cổ đông i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại <u>Điều 129</u> Luật doanh nghiệp;</p>	<p>Điều 12. Quyền của cổ đông i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại <u>Điều 132</u> Luật doanh nghiệp; j. <u>Được đối xử bình đẳng;</u></p>	

STT	ĐIỀU LỆ CÔNG TY HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	LÝ DO THAY ĐỔI
		k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật;	Bổ sung thêm các quyền của cổ đông theo thông tư 116/2020-TT-BTC.
		l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;	
		m. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của công ty, của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật;	
		3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền sau đây:	Bổ sung thêm quyền của cổ đông hoặc
		a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;	
		b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 115 Luật doanh nghiệp;	

STT	ĐIỀU LỆ CÔNG TY HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	LÝ DO THAY ĐỔI
		c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;	nhóm cổ đông sở hữu từ 05% đến dưới 10% cổ phần phổ thông theo quy định tại Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
		d. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	
	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên <u>trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u> có các quyền sau:	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:	Xóa bỏ quy định nắm giữ trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng.
6	Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	
		6. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại điều lệ công ty và pháp luật.	Bổ sung thêm phần nghĩa vụ của cổ đông theo thông tư 116/2020/TT-BTC.
7	Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	
	1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</u>	Cập nhật bổ sung theo khoản 2 điều 139 Luật doanh nghiệp 2021.

STT	ĐIỀU LỆ CÔNG TY HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	LÝ DO THAY ĐỔI
8	<p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</p>	<p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp (<u>Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ toạ tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam</u>). Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</p>	<p>Cập nhật bổ sung theo khoản 1 điều 139 Luật doanh nghiệp 2021.</p>
9	<p>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2.a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. <u>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	<p>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2.a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. <u>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	<p>Cập nhật lại phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 141 Luật doanh nghiệp</p>

STT	ĐIỀU LỆ CÔNG TY HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	LÝ DO THAY ĐỔI
	<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty <u>và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch)</u>. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong <u>Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</u> (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p>	<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong <u>Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</u> (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p>	<p>- Việc lập danh sách mời họp cổ đông chỉ được công bố thông tin trên trang web của Công ty.</p> <p>- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. (theo khoản 1 điều 143 Luật doanh nghiệp)</p>
	<p>5.b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trở lên <u>trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u> theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;</p>	<p>5.b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;</p>	<p>Bỏ quy định thời gian nắm giữ liên tục ít nhất 6 tháng</p>
10	<p>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho <u>ít nhất 51%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho <u>trên 50%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>Cập nhật lại theo quy định của Luật doanh nghiệp 2021.</p>
11	<p>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	

STT	ĐIỀU LỆ CÔNG TY HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	LÝ DO THAY ĐỔI
	1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có <u>từ 51% trở lên</u> tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:	1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có <u>trên 50%</u> tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:	Cập nhật lại theo quy định của Luật doanh nghiệp 2021.
12	Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông <u>6.e. Các vấn đề đã được thông qua;</u>	Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông <u>6.e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</u>	
	9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện <u>ít nhất 51%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện <u>trên 50%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	
13	Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông <u>1. Trường hợp chủ toạ, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ toạ, thư ký từ chối ký biên bản họp.</u>	Bổ sung thêm trường hợp Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản theo quy định tại khoản 1 điều 150 Luật doanh nghiệp.
14	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 2. <u>Cơ cấu</u> Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị như sau:	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 2. <u>Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị như sau:</u>	

STT	ĐIỀU LỆ CÔNG TY HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	LÝ DO THAY ĐỔI
	<p><u>Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp khi Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 134 Luật doanh nghiệp, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty đồng thời phải đảm bảo ít nhất một phần năm (1/5) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị của công ty có ít hơn (05) năm người, công ty phải đảm bảo có một thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.</u></p> <p><u>Khi Công ty niêm yết chứng khoán thì tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</u></p> <p>4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo <u>các</u> quy định của pháp luật <u>về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</u></p>	<p>a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;</p> <p>c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.</p> <p>4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin quy định của pháp luật.</p>	<p>Cập nhật lại nội dung bỏ quy định về tiêu chuẩn thành viên HĐQT không điều hành và thành viên HĐQT độc lập đối với Công ty (Công ty không còn là Công ty đại chúng)</p>
15	<p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2.h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua. <u>hiệu quả để bảo vệ cổ đông.</u></p>	<p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2.h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua.</p>	<p>Cập nhật lại nội dung</p>
16	<p>Điều 37. Kiểm soát viên</p> <p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <u>khoản 1 Điều 164</u> Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty. <u>và không thuộc các trường hợp sau:</u></p> <p><u>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;</u></p>	<p>Điều 37. Kiểm soát viên</p> <p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <u>khoản 1 Điều 169</u> Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty.</p>	<p>Bỏ quy định tiêu chuẩn thành viên ban kiểm soát áp dụng tại Công ty đại chúng theo nghị định 155.</p>

STT	ĐIỀU LỆ CÔNG TY HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	LÝ DO THAY ĐỔI
	<p>b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</p> <p>3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. <u>Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</u> Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p>	<p>3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p>	<p>Bỏ quy định trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán chuyên nghiệp.</p>
17	<p>Điều 44. Phân phối lợi nhuận</p> <p>4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. <u>Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.</u></p> <p>5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, <u>Luật chứng khoán,</u> Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p>	<p>Điều 44. Phân phối lợi nhuận</p> <p>4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này.</p> <p>5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p>	<p>Do công ty hủy niêm yết nên việc thanh toán và nhận cổ tức chỉ được thực hiện tại Công ty.</p>
18	Chương XV	Chương XV	

STT	ĐIỀU LỆ CÔNG TY HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	LÝ DO THAY ĐỔI
	<u>BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM</u>	BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM	
	CÔNG BỐ THÔNG TIN	CÔNG BỐ THÔNG TIN	
	Điều 48. Báo cáo tài chính năm, <u>sáu tháng và quý</u>	Điều 48. Báo cáo tài chính năm	
	1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật <u>cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước</u> và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, <u>Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán</u> , Cơ quan đăng ký kinh doanh và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.	1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Cơ quan đăng ký kinh doanh và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.	Công ty không còn là Công ty đại chúng, chỉ còn hoạt động theo mô hình công ty cổ phần thông thường và áp dụng chế độ báo cáo; cung cấp thông tin theo quy định của Luật doanh nghiệp.
	<u>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu (06) tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.</u>		Công ty không còn là Công ty đại chúng, chỉ còn hoạt động theo mô hình công ty cổ phần thông thường và áp dụng chế độ báo cáo; cung cấp thông tin theo quy định của Luật doanh nghiệp.
	4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), <u>báo cáo tài chính sáu (06) tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/ công ty đại chúng quy mô lớn)</u> phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.	4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.	Chỉ công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán trên website của Công ty.

STT	ĐIỀU LỆ CÔNG TY HIỆN TẠI	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	LÝ DO THAY ĐỔI
	5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, <u>báo cáo sáu (06) tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý</u> trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.	5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.	Các tổ chức, cá nhân được quyền sao chép bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán tại công ty và phải trả chi phí sao chép.
19	Điều 49. Báo cáo thường niên Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Bỏ điều này	Công ty không còn là Công ty đại chúng, chỉ còn hoạt động theo mô hình công ty cổ phần thông thường và áp dụng chế độ báo cáo; cung cấp thông tin theo quy định của Luật doanh nghiệp.
20	Điều 57. Ngày hiệu lực 1. Bản điều lệ này gồm <u>21 chương 57 điều</u> được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai nhất trí <u>thông qua ngày 21 tháng 4 năm 2018</u> tại Hội trường Đảng ủy khối Doanh nghiệp Đồng Nai và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	Điều 56. Ngày hiệu lực 1. Bản điều lệ này gồm <u>21 chương 56 điều</u> được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai <u>nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 20...</u> tại Hội trường Đảng ủy khối Doanh nghiệp Đồng Nai và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	Cập nhật theo chương, điều của Điều lệ sửa đổi.
21	Dẫn chiếu các khoản, các điều theo <u>Luật doanh nghiệp 2014</u> và <u>Luật chứng khoán sửa đổi 2010</u>.	Dẫn chiếu các khoản, các điều theo <u>Luật doanh nghiệp 2021</u> và <u>Luật chứng khoán 2021</u>.	Toàn bộ nội dung Điều lệ sửa đổi dẫn chiếu theo khoản, điều được cập nhật lại theo khoản, điều của Luật doanh nghiệp 2021 và Luật chứng khoán 2021.